

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 32/2022/DS-GĐT

Ngày: 29-3-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất cho
mượn là di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Các thành viên: Ông Vũ Minh Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất cho mượn là di sản thừa kế” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967;

Cư trú tại: Số nhà 68, tổ dân phố 28, phường MT, thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1975;

Cư trú tại: Tổ dân phố số 04, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng L, Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lường Văn V, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện MA, tỉnh Điện Biên (theo văn bản ủy quyền ngày 06/02/2020).

2. Trung tâm quản lý đất đai huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng L, Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S, Phó giám đốc Trung tâm quản lý đất đai huyện MA, tỉnh Điện Biên (theo văn bản ủy quyền ngày 29/4/2020).

3. Ủy ban nhân dân thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Đức T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn MA. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân T1, công chức địa chính- xây dựng (theo Thông báo ủy quyền số 03/TB-UBND ngày 05/02/2020).

4. Ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1958; cư trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

5. Ông Nguyễn Lệ S, sinh năm 1961; cư trú tại: B2, 254 HĐ, quận ThX, thành phố Hà Nội.

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; cư trú tại: Tổ dân phố 5, phường TTh, thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên.

7. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1972; cư trú tại: Số nhà 870, tổ dân phố 5, thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên.

8. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ dân phố 9, phường TTh, thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên.

9. Ông Nguyễn Lệ Qu, sinh năm 1973; cư trú tại: Số nhà 57, tổ dân phố 5, phường TTh, thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên.

10. Bà Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1965; cư trú tại: Tổ dân phố 9, phường TTh, thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên.

11. Ông Lê Văn L2, sinh năm 1962; cư trú tại: Thôn HCh, xã YL, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa.

12. Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ 4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 1986, bố mẹ của bà là cụ Nguyễn Lệ L (chết năm 2017) và cụ Nguyễn Thị D (chết năm 2014) khai hoang được một số diện tích đất canh tác; đến năm 1992 có đấu thầu thêm diện tích đất của Hội cựu chiến binh thị trấn MA để làm ao. Năm 1994, cụ L, cụ D đã cho bà, ông Lê Văn L2 lúc đó là chồng của bà cùng tham gia sản xuất trên đất và có cho diện tích 400m² đất để ở. Năm 1998, cụ L, cụ D

chuyển về Điện Biên sinh sống nên hai cụ cho bà, ông L mượn đất để sản xuất và yêu cầu không được chuyển nhượng khi chưa có sự đồng ý của hai cụ.

Năm 2001, bà và ông L chuyển về Điện Biên sinh sống nên cho em chồng của bà là ông Lê Văn Đ từ dưới quê lên trông coi hộ, canh tác đất trong khoảng 10 năm. Năm 2009, bà và ông L ly hôn nên cụ L, cụ D yêu cầu phải trả lại đất thì mới biết phần diện tích đất ao đầu thầu đã bị thu hồi một phần, đất nông nghiệp ông L đã làm sổ đỏ mang tên ông L với diện tích 2.000m². Đối với phần đất khai hoang, ngày 10/5/2008 ông L tự ý tặng cho ông Lê Văn Đ diện tích 400m², được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009, thửa số 48, tờ bản đồ số 10, mang tên hộ ông Đ, bà Bùi Thị H1 và hiện gia đình ông Đ đang quản lý, sử dụng. Tiền bồi thường đất khi Nhà nước thu hồi một phần đất, ông Đ được đền bù số tiền hơn 200.000.000 đồng.

Năm 2012, cụ L, cụ D ủy quyền cho anh trai bà là ông Nguyễn Xuân Trường giải quyết tranh chấp với ông Đ nhưng chưa giải quyết dứt điểm. Năm 2014, hai cụ và ông Trường ủy quyền lại cho bà giải quyết tranh chấp với ông Đ đối với các thửa đất số 13, 05, 08, 09, tờ bản đồ số 01; toàn bộ các diện tích đất hiện ông Đ đang quản lý, sử dụng.

Trong quá trình thu thập tài liệu phục vụ cho yêu cầu khởi kiện, bà được biết các thửa đất có diện tích cụ thể như sau: Thửa đất số 13 là đất vườn có diện tích là 401,5m², thu hồi diện tích 7,6m², còn lại diện tích 393,9m²; thửa đất số 09 là đất trồng cây lâu năm có diện tích 5.160,2m², thu hồi diện tích 1.070,9m², còn lại diện tích 4.089,3m²; thửa đất số 08 là đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 740,1m², thu hồi diện tích 356,4m², còn lại diện tích 383,7m²; thửa đất số 05 là đất trồng cây hàng năm có diện tích 46,3m², thu hồi diện tích 43,6m², còn lại diện tích 2,7m². Các số thửa này thể hiện trên bản đồ đền bù giải tỏa, tờ kê khai kiểm tra về đất năm 2010 và cụ L đã sử dụng làm cơ sở đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp từ năm 2012. Thời điểm cụ L, cụ D khai hoang chưa thể hiện số thửa, số mảnh, chưa có giấy tờ, mà chỉ biết toàn bộ diện tích đất ông Đ đang quản lý là đất do hai cụ khai hoang mà có. Qua xem xét xác định thửa đất số 08 là đất do cụ L, cụ D đầu thầu của Hội cựu chiến binh thị trấn MA; thửa đất số 05 còn lại diện tích 2,7m² là quỹ đất 5% của Ủy ban nhân dân thị trấn MA nên bà không yêu cầu giải quyết đối với thửa đất số 05, 08. Bà đã đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn MA giải quyết yêu cầu ông Đ phải trả cho cụ L, cụ D đối với thửa đất số 13 diện tích 393,9m²; thửa đất số 09 diện tích 4.089,3m² và số tiền ông Đ đã nhận vào năm 2010 khi Nhà nước thu hồi một phần đất thửa số 13 và thửa số 09 là 128.599.200 đồng. Ủy ban nhân dân thị trấn MA đã tổ chức hòa

giải nhưng không đạt kết quả. Bà xác định diện tích đất là di sản thừa kế của cụ L, cụ D để lại.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Đ phải trả lại cho cụ L, cụ D quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01, diện tích 393,9m²; thửa đất số 09, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.089,3m² và số tiền 128.599.200 đồng Nhà nước đã bồi thường cho ông Đ năm 2010 khi thu hồi một phần đất. Ông Đ phải trả lại cho bà toàn bộ cây cối có trên đất hiện ông Đ đang quản lý.

Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Năm 2001, vợ chồng ông lên MA sinh sống nhưng chưa có đất ở nên gia đình ông L, bà H cho ở nhờ trên mảnh đất khoảng 5.000m² có tờ khai sử dụng mang tên ông Lê Văn L2 tự khai hoang; gia đình ông nuôi bò, lợn, trồng cây trên mảnh đất đó. Năm 2007, vợ chồng ông bán bò mua lại mảnh đất của ông L, bà H với giá 70.000.000 đồng, nhưng bà H chỉ lấy 50.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng cho con của ông là cháu Thắng. Năm 2009, gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 400m², thửa số 48, tờ bản đồ số 10 và nhờ ông L, bà H đứng tên hộ diện tích 300m², thửa số 51, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại khối 4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Năm 2013, ông L, bà H chia tài sản chung sau khi ly hôn; ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, ông L, bà H thừa nhận đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho gia đình ông, bà H là người nhận tiền, ông L là người ký giấy mua bán. Vì vậy, ông L, bà H và gia đình ông đã thỏa thuận tự giải quyết về tài sản. Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 05/2014/HNGĐ-PT ngày 13/3/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã công nhận sự thỏa thuận của ông L, bà H và ông thể hiện bằng nội dung: Ông Lê Văn Đ cam kết chuyển quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn L2 và bà Nguyễn Thị H cho cháu Lê Thu Hà, còn lại đất thổ canh thổ cư ông Lê Văn Đ đang quản lý sử dụng, bà H và anh em trong gia đình không được quyền tranh chấp.

Ông xác định không mua bán đất với cụ L, cụ D và ông Nguyễn Xuân Trường. Năm 2010, Nhà nước thu hồi một phần đất và đền bù cho gia đình ông theo quy định của pháp luật. Các thửa đất số 13, 09, tờ bản đồ số 01 là của ông L, bà H đã chuyển nhượng cho gia đình ông từ năm 2007 và đã được giải quyết trong vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa ông L, bà H. Vì vậy, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L2 trình bày: Năm 1989, ông xuất ngũ về sống tại khối 4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên; năm 1990 ông khai hoang được một số diện tích đất để canh tác; năm 1992 ông

nhờ cụ Nguyễn Lê Lững ra nhận thầu ao của Hội cựu chiến binh thị trấn để ông đầu thầu. Năm 1998, ông đã kê khai tại bản kê khai sử dụng đất số 084-k4 ngày 10/01/1998 mang tên ông với diện tích 400m², số đất liền kề còn lại chưa kê khai. Năm 2001, ông và bà H chuyển về Điện Biên sinh sống nên cho vợ chồng em trai là ông Lê Văn Đ, bà Bùi Thị H1 mượn đất để ở, canh tác. Đến ngày 22/7/2007, ông và bà H đã chuyển nhượng toàn bộ khu đất cho ông Đ, bà Hảo với giá 70.000.000 đồng, ông và ông Đ viết giấy với nhau, bà H là người nhận tiền nhưng chỉ lấy 50.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng cho cháu Thắng. Ông xác định đã chuyển nhượng đất cho ông Đ, bà Hảo từ năm 2007, có sự đồng ý của bà H. Vì vậy, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H1 trình bày: Bà thống nhất như trình bày của ông Lê Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Trường, ông Nguyễn Lê Sơn, ông Nguyễn Lê Qu, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Hồng, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị Hương trình bày: Các ông, bà là con đẻ của cụ Nguyễn Lê Lộc, cụ Nguyễn Thị D, thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị H.

Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện MA có quan điểm: Đối với diện tích 400m² đất theo tờ khai hiện trạng sử dụng đất số 84 ngày 10/01/1998 mang tên ông Lê Văn L2, đã được ông L, bà H chuyển nhượng cho ông Đ theo giấy chuyển nhượng viết tay ngày 22/7/2007 và được Ủy ban nhân dân huyện MA cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 mang tên hộ ông Lê Văn Đ, bà Bùi Thị H1 với diện tích 400m²; trong hồ sơ địa chính lập năm 2005 và 2012 đều mang tên ông Lê Văn Đ.

Đối với diện tích đất đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc do gia đình ông L, bà H khai hoang năm 1990; đến ngày 22/7/2007 ông L, bà H chuyển nhượng cho gia đình ông Đ và hiện ông Đ, bà Hảo đang quản lý, sử dụng trồng cây hàng năm. Theo hồ sơ địa chính, năm 2005 Ủy ban nhân dân thị trấn MA là chủ sử dụng đất do thời điểm đó chỉ lập bản đồ địa chính về đất ở, không đo diện tích đất nông nghiệp; từ năm 2012 đến nay đất mang tên chủ sử dụng là hộ ông Lê Văn Đ.

Đại diện Trung tâm quản lý đất đai huyện MA có quan điểm: Diện tích đất đang có tranh chấp giữa bà H và ông Đ đối với thửa đất số 09 nay là thửa số 44, tờ bản đồ số 10 và thửa đất số 13 nay là thửa số 23, tờ bản đồ số 38, thị trấn MA, tại thời điểm lập bản đồ địa chính năm 2005 chưa có hồ sơ quy chủ sử dụng đất nông nghiệp nên vẫn do Ủy ban nhân dân thị trấn MA quản lý chung. Đến năm 2012, sau khi đo đạc bản đồ địa chính và tại Sổ mục kê đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên ký duyệt ngày 03/8/2012 thì tên người quản lý, sử

dụng đất là hộ ông Đ; hiện đất đang có tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn MA có quan điểm: Căn cứ vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư các hộ gia đình giáp ranh sống cùng thời điểm và việc chuyển nhượng đất giữa gia đình ông Đ và gia đình ông L, có giấy chuyển nhượng viết tay và hợp đồng tặng cho, đất không tranh chấp, sử dụng liên tục, gia đình ông Đ mua 01 phần đất trong tờ khai số 084k4 ngày 10/01/1998 và 01 phần đất vườn chưa kê khai; do đó gia đình ông Đ đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 400m².

Đối với việc thầu khoán ao thả cá, Hội cựu chiến binh thị trấn MA đã cho các hộ ông Trần Như D, cụ Nguyễn Lệ L, ông Lê Hồng T thầu khoán trước năm 2001 và gia hạn từ năm 2001 đến năm 2006. Từ tháng 8/2006, Hội cựu chiến binh tiếp tục cho 03 hộ gia đình gồm hộ bà Vũ Thị T, ông Lê Văn Đ, ông Trần Như H thầu khoán. Năm 2008, Hội cựu chiến binh đã trả lại đất cho Ủy ban nhân dân thị trấn MA quản lý vì là đất 5%. Đến nay, hàng năm hộ gia đình ông Đ vẫn ký hợp đồng thuê khoán ao thả cá với Ủy ban nhân dân thị trấn về phần thầu khoán của ông Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 30/10/2019, Tòa án nhân dân huyện huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên quyết định:

1. Buộc ông Lê Văn Đ, bà Bùi Thị H1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng thửa đất số 13 nay là thửa số 23 có diện tích 478,26m² và toàn bộ cây cối hoa màu trên đất, đất có tứ cận: Phía Đông và Bắc giáp đất bà Vũ Thị Nh, phía Tây giáp đất ông Tạ Đình V, phía Nam giáp đường vào bệnh viện và thửa đất số 09 nay là thửa số 44 có diện tích 3.817,88m² và toàn bộ cây cối hoa màu trên đất, tường rào xây dài 43,2m, đất có tứ cận: Phía Đông giáp nương nước, phía Tây giáp đất ông Lê Văn Đ và đường vào bệnh viện, phía Nam giáp bệnh viện, phía Bắc giáp đất ông Bùi Trọng V. Ông Đ, bà H3 được thu hoạch mía trên đất, phải trả cho bà H đến hết ngày 30/12/2019. Địa chỉ 02 thửa đất đều tại tổ dân phố 4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Văn Đ, bà Bùi Thị H1 số tiền 31.380.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn Đ có Đơn kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên có kháng nghị số 02/QĐKNPT-DS.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2020/DS-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên quyết định:

Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Lê Văn Đ và bà Bùi Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 23, tờ bản đồ số 38) diện tích 478,26m², có tứ cận: Phía Đông và phía Bắc giáp đất bà Vũ Thị Nh; phía Tây giáp đất ông Tạ Đình V; phía Nam giáp đường vào Bệnh viện huyện và thửa đất số 09, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 44, tờ bản đồ số 10) diện tích 3.164,63m², có tứ cận: Phía Đông giáp nương nước (mương đất); phía Tây giáp: đất 5% (nhà khung sắt mái tôn, nhà quán tre lá), đường vào trung tâm huyện, đất ODT thửa 48, đất ODT thửa 51 và đất giải phóng mặt bằng còn lại; phía Nam giáp đất Trung tâm y tế huyện MA; phía Bắc giáp đất ông Bùi Trọng V. Hai thửa đất thuộc tổ dân phố 4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Bà Nguyễn Thị H được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật (Kèm theo sơ đồ diện tích khu đất).

2. Buộc ông Lê Văn Đ và bà Bùi Thị H1 có trách nhiệm bàn giao các tài sản (cây lâu năm, tường rào, nhà, sân) trên hai thửa đất cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng, cụ thể như sau:

Thửa số 13, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 23, tờ bản đồ số 38) gồm: 01 cây xoài trị giá 494.550 đồng; 01 cây nhãn trị giá 803.840 đồng; 01 cây bưởi trị giá 598.406 đồng; 05 cây xoan đường kính thân = 17cm trị giá 475.000 đồng; 32 cây xoan đường kính thân = 10cm trị giá 2.176.000 đồng; 60 cây cà phê trị giá 5.814.000 đồng.

Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 44, tờ bản đồ số 10) gồm: 01 cây xoan trị giá 95.000 đồng; 03 cây xoan trị giá 81.000 đồng; 17 cây bưởi trồng năm thứ 4 trị giá 2.295.000 đồng; 01 cây bưởi đường kính tán lá 6,6m trị giá 2.393.580 đồng; 01 cây bưởi đường kính tán lá 2,9m trị giá 462.130 đồng; 01 cây bưởi đường kính tán lá 1,5m trị giá 123.638 đồng; 01 cây bưởi đường kính tán lá 2,0m trị giá 219.800 đồng; 01 cây bưởi đường kính tán lá 3,4m trị giá 635.222 đồng; 01 cây bưởi đường kính tán lá 2,4m trị giá 316.512 đồng; 01 cây bưởi đường kính tán lá 0,9m trị giá 44.510 đồng; 01 cây bưởi đường kính tán lá 1,7m trị giá 158.806 đồng; 02 cây bưởi đường kính tán lá 3,7m trị giá 1.504.531 đồng; 01 cây bưởi đường kính tán lá 2,6m trị giá 371.462 đồng; 02 cây bưởi đường kính tán lá 2,0m trị giá 439.600 đồng; 01 cây na đường kính tán lá 2,2m trị giá 303.952 đồng; 01 cây hồng xiêm đường kính tán lá 0,9m trị giá 58.868 đồng; 01 cây chanh đường kính tán lá 2,8m trị giá 492.352 đồng; 01 cây táo đường kính tán lá 3,0m trị giá 494.550 đồng; 01 cây ổi đường kính tán lá 6,6m

trị giá 1.367.784 đồng; 01 cây ổi đường kính tán lá 5,1m trị giá 816.714 đồng; 05 cây xoài năm thứ 4 trị giá 810.000 đồng; 02 cây xoài ghép đường kính tán lá 1,5m trị giá 247.276 đồng; 01 cây xoài ghép đường kính tán lá 6,0m trị giá 1.978.200 đồng; 01 cây xoài ghép đường kính tán lá 1,0m trị giá 54.950 đồng; 01 cây xoài đường kính tán lá 1,8m trị giá 178.038 đồng; 88 cây cà phê trị giá 8.527.200 đồng; 01 cây vải trị giá 1.464.998 đồng; 01 cây mít trị giá 320.468 đồng; tường rào dài 43,2m, cao 1,9m, xây tường 11cm trị giá 26.615.796 đồng; 01 nhà xây cấp bốn lợp tôn xanh trị giá 318.822.550 đồng và sân láng nền xi măng trị giá 14.327.955 đồng.

3. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán giá trị cây lâu năm, tường rào, nhà, sân cho ông Lê Văn Đ và bà Bùi Thị H1 với tổng số tiền là 396.384.238 đồng.

4. Buộc ông Lê Văn Đ và Bùi Thị H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 12.942.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Lê Văn Đ phải trả 115.657.000 đồng.

6. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mùong Ảng do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã rút kháng nghị.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Lê Văn Đ có Đơn đề nghị xem xét Bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 01/2022/KN-DS ngày 06/01/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2020/DS-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2020/DS-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mùong Ảng, tỉnh Điện Biên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Mùong Ảng, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn L2 chung sống như vợ chồng từ năm 1989. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2009/HNGĐ-ST ngày 03/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên đã quyết định: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn L2 không phải là vợ chồng.

Ngày 28/01/2019, bà Nguyễn Thị H có Đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Bùi Thị H1 phải trả lại cho bà H quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 23, tờ bản đồ số 38) diện tích 478,26m² và thửa đất số 09, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 44, tờ bản đồ số 10) diện tích 3.164,63m² tại tổ dân phố 4, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh Điện Biên và số tiền 128.599.200 đồng Nhà nước đã bồi thường cho gia đình ông Lê Văn Đ khi thu hồi một phần đất.

Bà Nguyễn Thị H xác định: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 23, tờ bản đồ số 38) và thửa đất số 09, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 44, tờ bản đồ số 10) là di sản do bố mẹ của bà là cụ Nguyễn Lệ Lộc, cụ Nguyễn Thị D để lại; có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích đất vợ chồng cụ L, cụ D khai hoang từ năm 1986 và đầu thầu đất của Hội cựu chiến binh thị trấn MA năm 1992. Quá trình sử dụng, cụ L và cụ D cho ông L, bà H tham cùng gia sản xuất từ năm 1994 và có cho ông L, bà H diện tích 400m² đất để làm nhà ở. Năm 1998 cụ L, cụ D chuyển về Điện Biên sinh sống nên cho ông Lê Văn L2, bà Nguyễn Thị H mượn toàn bộ phần đất để sản xuất; đến năm 2001 ông L, bà H cho vợ chồng ông Lê Văn Đ, bà Bùi Thị H1 (là em trai, em dâu của ông L) ở nhờ, trông nom, sử dụng đất. Việc vợ chồng cụ L, cụ D khai hoang, sử dụng đất từ năm 1986 và nhận đầu thầu có nhiều người sinh sống cùng thời điểm chứng kiến và được Chủ tịch Hội cựu chiến binh thị trấn MA xác nhận.

Ông Lê Văn L2 không thừa nhận mượn đất của cụ L, cụ D, mà cho rằng là do ông khai hoang năm 1990 và đã kê khai sử dụng đất. Tuy nhiên, ông L thừa nhận năm 1992 có nhờ cụ L đứng ra nhận đầu thầu khu ao hồ của Hội cựu chiến binh thị trấn MA. Theo Tờ khai sử dụng đất số 084k4 năm 1998 mang tên ông Lê Văn L2 có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn MA và Phòng Địa chính huyện MA có diện tích kê khai là 400m² đất. Theo lời khai của ông Trần Như Đồng, ông Nguyễn Đăng Xá, ông Hoàng Hải Đảo... xác nhận cả cụ L, cụ D, ông L, bà H đều khai hoang đất đối với toàn bộ diện tích đất.

Như vậy, trường hợp này phải xác định diện tích đất tranh chấp là do cụ L, cụ D khai hoang và có công sức của ông L, bà H. Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm xác định diện tích đất là của cụ L, cụ D là có căn cứ nhưng chưa làm rõ việc ông L, bà H được hưởng hoa lợi như thế nào trong quá trình khai

thác, sử dụng đất để từ đó xem xét đến công sức giữ gìn, cải tạo đất của ông L, bà H là không đúng quy định của pháp luật.

Về chuyển nhượng đất: Ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn L2 xác định năm 2007 ông L, bà H đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho vợ chồng ông Đ, bà Hảo với giá 70.000.000 đồng; việc chuyển nhượng có lập Giấy mua bán ngày 22/7/2007 do ông L ký tên, bà H là người nhận tiền nhưng chỉ nhận số tiền 50.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng bà H cho cháu Th là con ông Đ, bà H3. Theo “Giấy mua bán đất ở” ngày 22/7/2007 có nội dung: Ông Lê Văn L2 chuyển nhượng cho ông Lê Văn Đ thửa đất vợ chồng ông Đ đang ở nhờ theo Tờ khai quyền sử dụng đất diện tích 400m² mang tên ông Lê Văn L2 và diện tích đất liền kề, cùng giấy tờ đất đầu thầu của Hội cựu chiến binh.

Bà Nguyễn Thị H không thừa nhận việc chuyển nhượng đất theo “Giấy mua bán đất ở” ngày 22/7/2007, mà cho rằng chỉ chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ, bà Hảo diện tích là 100m² đất. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, bà H thừa nhận là người nhận tiền chuyển nhượng đất và biết việc ông Đ, bà Hảo được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 với diện tích 400m² đất. Do đó, việc bà H cho rằng chỉ chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ diện tích 100m² đất là không phù hợp.

Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa số 23, tờ bản đồ số 38) và thửa đất số 09, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa số 44, tờ bản đồ số 10) là tài sản của cụ L, cụ D và ông L, bà H. Ông L, bà H chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Đ, bà Hảo theo Giấy mua bán ngày 22/7/2007. Tuy nhiên Giấy mua bán này không xác định chính xác diện tích đất chuyển nhượng; vợ chồng ông Đ, bà Hảo mới chỉ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 400m² nhưng thực tế đang sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Do đó, xác định diện tích đất ông L, bà H đã chuyển nhượng cho ông Đ, bà Hảo là diện tích đất tương ứng với phần đất của ông L, bà H trong khối tài sản chung với cụ L, cụ D (gồm 400m² đất ông Đ, bà Hảo nhận chuyển nhượng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 và phần công sức của ông L, bà H trong số diện tích đất mà Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Đ, bà Hảo phải trả bà H).

Ngoài ra, bà H cũng đã chuyển về thành phố Điện Biên, tỉnh Điện Biên sinh sống từ năm 2001 và không còn trực tiếp sử dụng đất, trong khi gia đình ông Đ, bà Hảo quản lý, sử dụng đất từ năm 2001 đến nay, đã xây dựng nhà, công trình xây dựng, trồng cây lâu năm trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm cần thu thập thêm tài liệu, chứng cứ xem xét về nhu cầu sử dụng đất của cả gia đình bà H và gia đình ông Đ, bà H3 để làm cơ sở giao quyền sử dụng đất cho phù hợp với thực tế, nhu cầu sử dụng đất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/2022/KN-DS ngày 06/01/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 05/2020/DS-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên về vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất cho mượn là di sản thừa kế” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H với bị đơn là ông Lê Văn Đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định (Ngày 29/3/2022).

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Hà Nội (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: P.HCTP-VP, Phòng GDKTIII, HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Nam